

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1195/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 2 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 39/TTr-SXD ngày 04 tháng 02 năm 2021, Văn bản số 1079/SXD-QLQHKT ngày 26 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

a) Vị trí: xác định theo sơ đồ khu đất số 09/2019 tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Địa chính - Nhà đất tỉnh Đồng Nai xác lập ngày 03 tháng 01 năm 2019 có ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp đường đất hiện hữu.
- Phía Nam : Giáp đất quy hoạch dự án khu dân cư của Công ty Cổ phần Nông sản Đông Việt và đường ngoại vi Khu công nghiệp Sông Mây - Đường số 4 nối dài, lộ giới 28 m.
- Phía Đông : Giáp đường đất hiện hữu.
- Phía Tây : Giáp đường đất hiện hữu.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: 226.807,05 m² (22,680 ha).

c) Quy mô dân số: Khoảng 4.732 người.

d) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

2. Tính chất, mục tiêu nghiên cứu lập quy hoạch

a) Là dự án đầu tư xây dựng mới Khu dân cư gồm các hạng mục công trình: Nhà liên kế; nhà ở xã hội (chung cư); công trình công cộng (giáo dục; y tế; thương mại - dịch vụ); khu công viên cây xanh - mặt nước; cùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh gắn kết với các dự án lân cận.

b) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc hình thành một khu dân cư, có giá trị thẩm mỹ cao và an toàn về môi sinh, thân thiện với môi trường.

c) Đảm bảo cơ cấu sử dụng đất và tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội phù hợp với định hướng phát triển của địa phương cũng như kết nối hợp lý với hệ thống hạ tầng các khu vực lân cận.

d) Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai xây dựng, quản lý xây dựng và đầu tư xây dựng.

3. Các chỉ tiêu áp dụng

Tuân thủ các quy định theo quy chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành có liên quan:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất

Stt	Loại đất	Nhiệm vụ quy hoạch		Quy hoạch chi tiết	
		Chỉ tiêu (m ² /người)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Tỷ lệ (%)
A	Đất ở	≥ 23,50	≤ 54	25,14	52,45
B	Đất công cộng - TMDV	≥ 3,50	≥ 7,5	3,63	7,58
C	Đất CVCX - TDTT, mặt nước	≥ 4,30	≥ 10	4,79	10,00

D	Đất giao thông	$\geq 12,50$	≥ 28	14,12	29,45
E	Đất đầu mối HTKT	0,20	$\geq 0,5$	0,25	0,52
Diện tích lập quy hoạch		226.807,05 m²		226.807,05 m²	

b) Mật độ xây dựng

- Nhà ở liên kế : $\leq 80\%$
- Nhà ở xã hội (chung cư 05 tầng) : $\leq 60\%$
- Công trình giáo dục; y tế; văn Hóa : $\leq 40\%$
- Công trình thương mại - dịch vụ : $\leq 40\%$
- Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : $\leq 60\%$
- Đất cây xanh - mặt nước : $\leq 05\%$

c) Tầng cao xây dựng

- Nhà ở liên kế : 02 - 04 tầng
- Nhà ở xã hội (chung cư 05 tầng) : 05 - 09 tầng
- Công trình giáo dục; y tế : 02 - 03 tầng
- Công trình thương mại, dịch vụ : 02 - 03 tầng
- Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 01 - 02 tầng
- Đất cây xanh - mặt nước : 01 tầng

d) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Tiêu chuẩn cấp điện : 1000 - 1200 kwh/người/năm.
- Tiêu chuẩn cấp nước : 150 - 180 lít/người/ngày.
- Tiêu chuẩn nước thải : $\geq 80\%$ lượng nước cấp.
- Tiêu chuẩn thải rác : 0,8 - 1,0 kg/người/ngày.
- Tiêu chuẩn thông tin liên lạc:
 - + Thuê bao cố định (điện thoại và internet có dây): 01 thuê bao/02 người.
 - + Thuê bao truyền hình cáp: 01 thuê bao/01 hộ.
 - + Mạng thông tin di động đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực quy hoạch.

đ) Quy định khoảng lùi công trình đối với các tuyến đường

+ Nhà liên kế : $\geq 2,2$ m so với chỉ giới đường đỏ. Khoảng lùi phía sau: ≥ 01 m.

+ Công trình công cộng: ≥ 06 m so với chỉ giới đường đỏ. Tiếp giáp các ranh đất còn lại: ≥ 04 m.

4. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

a) Quy hoạch sử dụng đất

Stt	Loại đất	Các chỉ tiêu quy hoạch				Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao xây dựng (tầng)	Tỷ lệ (%)
		Diện tích (m ²)	Số lô (căn hộ)	Dân số (người)	Chỉ tiêu (m ² /ng)			
1	Đất ở	118.960,54	1.183	4.732	25,14			52,45
	- Nhà liên kế	94.961,69	1063	4252		≤ 80	2 - 4	41,87
	- Nhà ở xã hội	23.998,85	120	480		≤ 60	≤ 05	10,58
2	Đất công cộng – thương mại dịch vụ	17.188,73			3,63			7,58
	Đất công cộng	13.163,23			2,78			5,30
	- Y tế	1.383,35				≤ 40	≤ 03	0,61
	- Tiểu học	7.138,08				≤ 40	≤ 03	3,15
	- Nhà trẻ, mẫu giáo	4.641,8				≤ 40	≤ 03	2,05
	Thương mại dịch vụ	4.025,5			0,85		≤ 03	1,77
3	Đất cây xanh – TDTT, mặt nước	22.677,83			4,79	≤ 05	≤ 01	10
	- Cây xanh – TDTT	20.117,55						8,87
	- Mặt nước	2.560,28						1,13
4	Đất hạ tầng kỹ thuật (TXLNT)	1.183,11			0,25			0,52
5	Đất giao thông	66.796,85			14,12			29,45
	Tổng cộng	226.807,05						100,00

b) Phân khu chức năng

- Đất ở (nhà ở liên kế; nhà ở xã hội):

Tổng diện tích đất ở là 118.960,54 m² chiếm tỷ lệ 52,45% tổng diện tích đất dự án, được phân thành khoảng 1.183 (lô - hộ), gồm 02 loại hình kiến trúc là nhà ở liên kế và nhà ở xã hội (chung cư 05 tầng); mật độ xây dựng từ 60% - 80%; Tầng cao từ 02 - 05 tầng, cụ thể như sau:

+ Nhà ở liên kế: Tổng diện tích đất là 94.961,69 m² chiếm tỷ lệ 41,87% tổng diện tích đất dự án, được phân thành khoảng 1.063 lô đất, đa phần là loại hình nhà ở liên kế; mật xây dựng khoảng 80%; tầng cao từ 02 - 04 tầng.

+ Nhà ở xã hội (chung cư 05 - 09 tầng): Tổng diện tích đất là 23.998,85 m² chiếm tỷ lệ 10,58% tổng diện tích đất dự án, được phân thành khoảng 215 hộ,

với chỉ tiêu, đa phần là loại hình nhà ở căn hộ (02 ÷ 03 phòng ngủ); mật xây dựng khoảng 60%; tầng cao \leq 05 tầng.

- Đất công trình công cộng (y tế; Giáo dục; Thương mại - Dịch vụ,...):

Tổng diện tích đất là 17.188,73 m² chiếm tỷ lệ 07,58% tổng diện tích dự án, được bố trí phân bổ trong từng nhóm ở của dự án, Với loại hình kiến trúc công trình công cộng (phòng khám đa khoa (YT); trường tiểu học (GD2); nhà trẻ - mẫu giáo (GD1); thương mại dịch vụ,...). Mật xây dựng khoảng 40%; tầng cao \leq 03 tầng cụ thể đối với từng thể loại công trình như sau:

+ Đất trường tiểu học: Tổng diện tích đất là 7.138,08 m² chiếm tỷ lệ 03,15% tổng diện tích đất dự án. Mật xây dựng 40%; tầng cao từ 02 - 03 tầng. Được bố trí tại góc Đông Bắc giáp ranh đất dự án.

+ Đất trường mầm non (nhà trẻ - mẫu giáo): Tổng diện tích đất là 4.641,8 m² chiếm tỷ lệ 02,05% tổng diện tích đất dự án. Mật xây dựng 40%; tầng cao từ 02 tầng. Được bố trí tại góc Tây Nam giáp ranh đất dự án.

+ Đất y tế (phòng khám đa khoa): Tổng diện tích đất là 1.383,35 m² chiếm tỷ lệ 0,61% tổng diện tích đất dự án. Mật xây dựng 40%; tầng cao 02 - 03 tầng. Được bố trí tại góc Tây Bắc giáp ranh đất dự án.

+ Đất công trình thương mại dịch vụ: Tổng diện tích đất là 4.025,50 m² chiếm tỷ lệ 01,77% tổng diện tích đất dự án. Mật xây dựng 40%; tầng cao 02 - 03 tầng. Được bố trí tại góc Tây Bắc giáp ranh đất dự án.

- Đất cây xanh công viên - TDTT, mặt nước:

Đất cây xanh - TDTT, Mặt nước với diện tích là 22.677,83 m² chiếm tỷ lệ 10,00% tổng diện tích dự án trong đó: Đất cây xanh - TDTT với diện tích 20.117,55 m² chiếm tỷ lệ 07,86% tổng diện tích dự án; đất mặt nước với diện tích 2.560,28 m² chiếm tỷ lệ 01,13% tổng diện tích dự án). Mật độ xây dựng 05%; tầng cao 01 tầng; bố trí phân bổ đều ngoài rìa giáp ranh mốc đất dự án.

- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Với diện tích là 1.183,11 m² chiếm tỷ lệ 0,52% tổng diện tích dự án. Mật độ xây dựng \leq 80%; tầng cao từ 01 - 02 tầng; bố trí tại góc Tây Nam giáp ranh đất dự án.

- Đất giao thông:

Với diện tích 66.796,85 m² chiếm tỷ lệ 29,45% tổng diện tích dự án, với chỉ tiêu khoảng 14,53 m²/người. Các tuyến giao thông được quy hoạch dạng ô cờ, thuận lợi kết nối với các dự án lân cận.

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Không gian kiến trúc được tổ chức trên cơ sở tôn trọng hình thái, phương thức ở của người dân trong vùng, không phá vỡ địa hình và các điều kiện thiên nhiên sẵn có. Đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải,...) với các khu vực xung quanh.

b) Trung tâm của các đơn vị ở được bố trí kết hợp với mảng cây xanh, tạo không gian kiến trúc hài hòa và làm tăng vẻ đẹp của cảnh quan khu vực, khai thác tốt các điều kiện thiên nhiên sẵn có, tạo nên một Khu dân cư đặc trưng. Mẫu nhà được thiết kế đường nét kiến trúc mang tính hiện đại, sử dụng chất liệu địa phương và thân thiện với môi trường.

c) Hệ thống mặt bằng không gian mở chủ yếu bố trí nhằm lợi dụng được nét đặc trưng của khu vực như hình thành các mảng xanh lớn, tạo không gian môi trường thoáng mát cho khu vực, đồng thời tạo nên một khu đô thị xanh.

d) Tổ chức mạng lưới đường giao thông theo dạng ô cờ, kết hợp bố cục các cụm, nhóm dân cư, các công trình công cộng, tạo sự mạch lạc, nối kết để không gian kiến trúc là một thể thống nhất hợp lý về các chức năng lẫn quan điểm thẩm mỹ và thuận tiện về sinh hoạt cộng đồng dân cư.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch san nền - thoát nước mưa

- Mặt nền thiết kế cơ bản bám theo địa hình tự nhiên. Giải pháp san nền chung là san lấp cục bộ. Cao độ khống chế san nền từ +26,80 m đến +39,20 m.

- Nền thiết kế có hướng dốc chính: Từ Phía Đông Bắc xuống Phía Tây Nam.

- Hiện trạng thoát nước: Về phía Tây Nam dự án hiện có hệ thống thủy lợi suối Rạch Đông thoát ra sông Đồng Nai, bao quanh là đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng lúa nước hoặc hoa màu. Phía Đông dự án tiếp giáp với đường vành đai KCN Sông Mây giai đoạn 2 (lộ giới 28 m) đang được triển khai.

- Hệ thống thoát nước mưa thiết kế tách riêng biệt với nước thải sinh hoạt

- Toàn bộ nước mưa trong khu vực dự án được tập trung về hồ nước cảnh quan góc Phía Tây - Bắc sau đó cho thoát ra Suối Rạch Đông thông qua cửa xả cống D1200.

b) Quy hoạch hệ thống giao thông

- Đường phân khu vực gồm:

+ Đường N3': Mặt cắt 4-4; Lộ giới 20 m (04 m - 12 m - 04 m) mặt đường chính 07,0 m, vỉa hè 04 m x 2 bên.

+ Đường N3: Mặt cắt 2-2; Lộ giới 13 m (03 m - 07 m - 03 m), mặt đường chính 07, m, vỉa hè 03 m x 2 bên.

+ Đường D6: Mặt cắt 1-1; Lộ giới 18 m (04 m - 10 m - 04 m), mặt đường chính 10 m, vỉa hè 04 m x 2 bên.

- Đường nhóm nhà ở:

+ Đường D1: Lộ giới 15 m (04 m - 07 m - 04 m) được kết nối với các tuyến đường giao thông nội bộ của các nhóm ở.

+ Đường (D2; D3; D4; D5; D7; N1÷N12) lộ giới 13 m (03 m - 07 m - 03 m); Đường D8 lộ giới 10m (03 m - 07 m - 0 m); Đường D9 (D4A) lộ giới 11 m (01 m - 07 m - 03 m); kết nối liền mạch liên thông các nhóm ở trong dự án lại với nhau.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nhu cầu dùng nước: 1300 m³/ngày

- Nguồn cấp: Nguồn nước cấp cho khu dân cư sẽ được lấy từ tuyến ống cấp nước dọc phía bên phải đường ĐT 767 từ Ngã ba Trị An đến cầu sông Thao. Chủ đầu tư liên hệ công ty CP cấp nước Đồng Nai để thỏa thuận đấu nối hệ thống cấp nước theo quy định.

Giải pháp cấp nước:

- Cấp nước sinh hoạt: Ống cấp nước sử dụng loại ống HDPE. Các tuyến ống được bố trí trên lề đường nằm phía trước các lô đất để thuận tiện cho việc cấp nước vào hộ tiêu thụ. Đường ống chính cấp nước chính từ nguồn vào: D160 mm. Đường ống nhánh cấp nước đến các công trình: D110 - D63 mm.

- Nước phòng cháy chữa cháy: Nước phòng cháy chữa cháy được lấy nước từ mạng lưới cấp nước sinh hoạt. Bố trí các trụ PCCC dọc theo các tuyến ống trên toàn mạng lưới, khoảng cách giữa 2 trụ không vượt quá 150 m.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan chuyên ngành cấp nước để thỏa thuận vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải

Mạng lưới cống:

- Tuân thủ theo hệ thống thoát nước chung tại khu vực.

- Nước thải sinh hoạt của từng hộ được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn cơ bản đã sạch sau đó đấu nối vào hệ thống cống thu gom và thoát về trạm xử lý nước thải đặt ở góc phía Tây Nam dự của dự án, tại đây sau khi xử lý mới thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Lưu lượng nước thải bằng 80% lượng nước cấp. Hệ thống thoát nước thải bằng cống tròn BTCT thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Tại vị trí các tuyến cống giao nhau và dọc theo các tuyến bố trí các hố ga chờ để đấu nối với hệ thống thoát nước từ bên trong các hộ dân.

- Trạm xử lý nước thải công suất khoảng 1.040 m³/ngày (diện tích xây dựng 700 m²) đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật giáp ranh phía Tây Nam dự án.

đ) Rác thải và vệ sinh môi trường

Rác thải vệ sinh môi trường ký hợp đồng với công ty Dịch vụ môi trường thu gom hàng ngày và đưa đi xử lý tại bãi xử lý tập trung theo quy hoạch Nông thôn mới xã Thanh Phú đã được duyệt.

e) Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng



- Nguồn điện: Hiện tại chưa có lưới điện cấp cho dự án, dự kiến nguồn điện cấp cho dự án nằm trên đường ĐT.767 tiếp giáp khu công nghiệp Sông Mây, nguồn cấp điện cho dự án 3 Pha 4 dây lưới 22kV nằm dọc trên đường ĐT.767 vào khu công nghiệp Sông Mây gần ranh dự án, tuyến 476 trạm trung gian 110/22kV Vĩnh An. Vị trí đấu nối: tại trụ trung thế trồng mới và đường dây trung thế kéo mới hướng từ khu công nghiệp Sông Mây vào, khoảng cách từ ranh dự án đến khu công nghiệp Sông Mây là 300m.

- Nhu cầu tiêu thụ điện khoảng: 6660kVA.

- Mạng lưới: Tất cả các tuyến dây, tuyến cáp đi ngầm.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan chuyên ngành cấp điện để thỏa thuận vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin - liên lạc

- Hiện trạng: Tỉnh Đồng Nai có các nhà cung cấp chính về viễn thông gồm: Viễn thông Đồng Nai - VNPT và Tập Đoàn Viễn thông Quân Đội - Viettel, FPT,... Mạng lưới viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc trong nước và quốc tế; chi phí phù hợp và độ tin cậy cao.

- Về giải pháp: Trên tuyến đường đi ĐT. 767 hiện hữu có tuyến dây thông tin liên lạc mạng điện thoại cố định và thuê bao băng thông rộng ADSL đặt tại địa bàn thị trấn Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, sử dụng các tổng đài của VNPT và Viettel. Ngoài ra, dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và vô tuyến do Viễn thông Đồng Nai, chi nhánh Viettel Đồng Nai cung cấp còn có các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như: Dịch vụ Internet, thuê kênh riêng, truyền số liệu hữu tuyến... Chi nhánh FPT Đồng Nai, chi nhánh SCTV Đồng Nai, Vinaphone, Mobifone, Vietnamobile, Gmobile. Còn có dịch vụ truyền hình trả tiền như: Truyền hình cáp SCTV, VTCab, Viettel và một số truyền hình DHT, DTT.

- Tổng số máy thuê cố định (điện thoại và Internet có dây) dự kiến: 2.600 thuê bao; Tổng số thuê bao truyền hình cáp dự kiến: 1.300 thuê bao.

- Mạng lưới: Hệ thống cáp trong khu vực đi ngầm trong các tuyến cống bê xây dựng mới.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành thông tin liên lạc để thỏa thuận vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

h) Đánh giá môi trường chiến lược

Thực hiện theo Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định có liên quan.

7. Quy định quản lý

Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (đính kèm).

8. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hồ Vũ.
- Nguồn vốn lập quy hoạch: Vốn chủ đầu tư.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Đồng Nai.
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Phối hợp với UBND huyện Vĩnh Cửu, UBND xã Tân An công bố công khai cho Nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.
2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Phối hợp với UBND huyện Vĩnh Cửu, UBND xã Tân An tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt.
3. Thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch; việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.
4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, buru chính viễn thông, phòng cháy chữa cháy... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, phù hợp với hệ thống đấu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu, Chủ tịch UBND xã Tân An; Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hồ Vũ; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
- Lưu: VT, KTN.



Cao Tiên Dũng